

Số: 106/BC-BCH

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014 trên địa bàn thành phố Hà Nội

Kính gửi: Tổng cục Thủy lợi

Số: 4269

Ngày: 22/6/2015

Thực hiện Văn bản số 186/TCTL-GNTT ngày 09/02/2015 của Tổng cục Thủy lợi về việc báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014, Ban chỉ huy PCTT Thành phố Hà Nội xin báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn Thành phố Hà Nội như sau:

1. Kế hoạch thực hiện đề án đã phê duyệt.

Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2013-2015 trên địa bàn Thành phố Hà Nội được phê duyệt tại Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

2. Kết quả 05 năm thực hiện đề án.

(Chi tiết trong Phụ lục Báo cáo Kết quả theo dõi đánh giá kèm theo)

3. Đánh giá quá trình, kết quả thực hiện đề án.

Qua 06 năm triển khai thực hiện (từ năm 2009 đến hết năm 2014), Thành phố Hà Nội đã triển khai thực hiện được một số nội dung của Đề án như sau:

- Xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện Đề án cấp Thành phố. Đối với cấp địa phương, việc xây dựng kế hoạch mới chỉ được lồng ghép vào các kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội, Kế hoạch PCLB, phòng chống thiên tai mà chưa có kế hoạch chi tiết, riêng biệt và cụ thể cho Đề án.

- Việc triển khai thực hiện kế hoạch được thể hiện ở một số nội dung như:

+ Thành lập nhóm hỗ trợ kỹ thuật các cấp và nhóm cộng đồng.

+ Tổ chức đào tạo tập huấn.

+ Tổ chức đánh giá rủi ro thiên tai.

+ Xây dựng kế hoạch PCTT có sự tham gia của cộng đồng.

+ Tổ chức diễn tập PCTT

+ Tổ chức các hoạt động truyền thông về QLRRTT - DVCEĐ

- + Tổ chức và tham gia các hội nghị, hội thảo liên quan đến Đề án.
- + Tổ chức theo dõi đánh giá thực hiện đề án.
- + Các nội dung khác có liên quan trong quá trình thực hiện kế hoạch PCLB, giảm nhẹ thiên tai hàng năm.

Tuy vậy, công tác triển khai mới chỉ dừng ở mức độ liên kết và lồng ghép với các hoạt động khác như lồng ghép với công tác PCLB hàng năm, lồng ghép với các kế hoạch về PCTT, phòng chống tai nạn thương tích tại cộng đồng,... chưa có những có hoạt động riêng biệt, chưa được bố trí kinh phí để thực hiện Đề án.

Ngoài ra, vẫn chưa triển khai được một số nội dung liên quan đến Đề án như Xây dựng các công trình quy mô nhỏ phục vụ Đề án, Hợp tác, thu hút vốn từ các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác. Mới chỉ thành lập và đào tạo cho nhóm giảng viên cấp tỉnh, chưa thành lập, đào tạo được các nhóm hỗ trợ kỹ thuật và các nhóm cộng đồng để thực hiện các công tác chuyên biệt cho Đề án.

Nhìn chung, tiến độ, nội dung thực hiện Đề án còn nhiều hạn chế.

4. Khó khăn, vướng mắc

a. Về tổ chức:

- Thiếu nền tảng sẵn có về bộ máy, nhân lực nòng cốt cho công tác QLTT-DVCD, việc thực hiện tại nhiều quận, huyện, thị xã còn lúng túng.

- Công tác tổ chức đào tạo, quản lý, giám sát chất lượng và sử dụng đội ngũ giảng viên cấp tỉnh gặp khó khăn do phải kiêm nhiệm và biến động cơ học thay đổi vị trí công tác.

b. Về đầu mối:

- Khung pháp lý thực hiện đề án chưa đầy đủ, nhiều nội dung cần được bổ sung (ban hành thông tư hướng dẫn; lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu; quan tâm hơn đến người dễ bị tổn thương, người khuyết tật,...)

- Sự quan tâm còn thiếu đồng đều giữa các quận, huyện, thị xã, sự quan tâm trong chỉ đạo, điều hành thực hiện Đề án còn nhiều hạn chế.

- Việc tổng kết, nhân rộng mô hình, các giải pháp kỹ thuật, công nghệ hỗ trợ; hướng dẫn lồng ghép các nguồn lực thực hiện Đề án còn chưa thực hiện đồng bộ.

c. Về tài chính:

- Chưa có nguồn kinh phí từ ngân sách Trung ương cho các tỉnh, thành phố theo Quyết định 333/QĐ-TTg, trong khi ngân sách địa phương gặp nhiều khó khăn nên việc triển khai Đề án tại các tỉnh còn hạn chế.

- Việc triển khai thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai đang được triển khai về tổ chức và xây dựng quy chế thực hiện.

d. Các vấn đề khác:

- Việc khai thác, sử dụng các sản phẩm truyền thông đến cấp cộng đồng đã được thực hiện nhưng chưa đồng bộ;

- Nhiều ngành, tổ chức cùng tham gia làm công tác truyền thông như xây dựng tài liệu, tờ rơi, phim về thiên tai. Cần có sự quản lý, tổng hợp và chia sẻ chung từ cơ quan nhà nước;

- Công tác truyền thông tại các khu vực vùng sâu vùng xa, truyền thông cho nhóm đối tượng DBTT như người khuyết tật, người già và trẻ em và bằng tiếng dân tộc vẫn còn hạn chế.

- Công tác theo dõi, giám sát việc thực hiện Đề án đã được quan tâm, tuy vậy chưa có điều kiện để tập huấn rộng rãi cho cán bộ các cấp về Bộ tài liệu Hướng dẫn của Bộ ban hành.

5. Đề xuất

a. Giải pháp để khắc phục:

- Rà soát, đánh giá chi tiết kết quả thực hiện Đề án trong giai đoạn vừa qua (thống kê chi tiết số xã thực hiện, các tổ chức hỗ trợ, các dự án và kinh phí thực hiện, những mô hình hiệu quả...), xây dựng và phê duyệt kế hoạch triển khai Đề án trong giai đoạn tiếp theo (2016-2020); cần xác định rõ cơ quan chủ trì; cơ quan tham mưu; cơ quan thường trực tại các cấp để tổ chức thực hiện Đề án.

- Rà soát, bổ sung khung pháp lý thực hiện đề án, cần chú trọng lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan (MTTQ, hội chữ thập đỏ, hội phụ nữ, hội người khuyết tật,...).

- Chủ động tổ chức triển khai thực hiện bằng nguồn lực của cấp tỉnh quản lý theo tinh thần các Quyết định số 1002/QĐ-TTg và 333/QĐ-TTg; Công văn số 7323/VPCP-KTTH ngày 03/9/2013 và Công văn số 3356/BNN-TCTL ngày 18/9/2013; Tổ chức thực hiện Nghị định 94/2014/NĐ-TTg quy định về thiết lập Quỹ PCTT cấp tỉnh; xây dựng, phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án, xây dựng kế hoạch vốn để gửi các cấp có thẩm quyền và các bên liên quan; chủ động lồng ghép, phối hợp với các chương trình Quốc gia liên quan khác, tiếp cận và huy động các nguồn tài trợ, nguồn đóng góp tự nguyện từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế bằng các hình thức hợp pháp....

b. Hỗ trợ từ các bên (đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT):

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt hỗ trợ kinh phí và đề nghị bổ sung kinh phí cho giai đoạn tiếp theo.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung khung pháp lý, có văn bản hướng dẫn các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Đề án. Đối với các văn bản chỉ đạo, đề nghị có hướng dẫn chi tiết, đề ra các kế hoạch, chỉ tiêu cụ thể tương ứng với từng năm thực hiện Đề án.

- Có ý kiến với Bộ Giáo dục và đào tạo để đẩy mạnh công tác triển khai thực hiện Đề án đối với ngành giáo dục trên địa bàn Thành phố.

- Giới thiệu và thu hút hỗ trợ, đầu tư của các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ cho Thủ đô Hà Nội.

Ban chỉ huy PCTT thành phố Hà Nội báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" giai đoạn 2009-2014 trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT; | để b/c
- UBND Thành phố;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu VT, CLB&GNNT, N.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Chu Phú Mỹ

Chu Phú Mỹ Công đồng
Nhiệm

TỔNG CỤC THỦY LỢI PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN

Loại: A B C

Ý KIẾN GIẢI QUYẾT

22/6/16 *←* *Đã A. Hoàn*

Kyc Cục PCTT
T. Tâm PTGNNT

20/10

Tài liệu kèm theo

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tỉnh: Thành phố Hà Nội

Cán bộ thực hiện: Nguyễn Vinh Nguyễn

Ngày gửi báo cáo: 11/6/2015

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 1B	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng	01		Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội (Ngoài ra còn có các văn bản liên quan đến PCLB, PCTT hàng năm)
Chỉ số 1C	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng			Các văn bản liên quan đến PCLB, PCTT hàng năm
Chỉ số 2A	Số lượng tình đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Tình đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	Đã có	Quyết định phê duyệt Kế hoạch số 3467/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội
Chỉ số 3	Tỷ lệ các tỉnh, huyện, xã có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỉnh có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	Đã có	Hệ thống tổ chức theo hình thức kiểm nhiệm, kết hợp với các hoạt động PCLB, PCTT
		Tỷ lệ huyện có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỷ lệ %	30	Danh sách đơn vị hành chính cấp huyện của Thành phố có trên trang thông tin điện tử của Thành phố
	Tỷ lệ xã của tỉnh có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỷ lệ %	584	100	Danh sách đơn vị hành chính cấp xã của Thành phố có trên trang thông tin điện tử của Thành phố

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo		Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
Chỉ số 4	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở các cấp	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp tỉnh (4A)	Số lượng				Chưa có số liệu do các cán bộ nữ các cấp chỉ tham gia kết hợp trong công tác PCLB, PCTT chứ chưa có hoạt động chuyên biệt cho Đề án
		Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp huyện (4B)	Số lượng				
		Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp xã (4C)	Số lượng				
Chỉ số 5A= 5A1/5A2*100%	Tỷ lệ cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD (5A1)	Số lượng	Nam: 17 Nữ: 5			Đây chính là đội ngũ giảng viên cấp tỉnh
		Tổng số cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai (5A2)	Số lượng	Nam: Nữ:			
Chỉ số 5B	Tỷ lệ cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %				Chưa có số liệu do cán bộ làm công tác PCTT thường xuyên có sự luân chuyển điều động và đều làm theo hình thức kiêm nhiệm, kết hợp
Chỉ số 5C	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %				
Chỉ số 6A= 6A1/6A2*100%	Tỷ lệ tập huấn viên cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng tập huấn viên đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD (6A1)	Số lượng	Nam: 17 Nữ: 15		100	Chưa có số liệu do các tập huấn viên chỉ tham gia kết hợp trong công tác PCLB, PCTT chứ chưa có hoạt động chuyên biệt cho Đề án
		Tổng số tập huấn viên cấp tỉnh (6A2)	Số lượng	Nam: 17 Nữ: 15			
Chỉ số 6B	Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %				

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo		Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
Chỉ số 6C	Tỷ lệ tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD (6D1)	Số lượng	Nam: Nữ:		Chưa có số liệu do các tập huấn viên chỉ tham gia kết hợp trong công tác PCLB, PCTT chứ chưa có hoạt động chuyên biệt cho Đề án
Chỉ số 6D=6D1/6D2*100%	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %			Chưa có số liệu do các nhóm hỗ trợ kỹ thuật chỉ tham gia kết hợp trong công tác PCLB, PCTT chứ chưa có hoạt động chuyên biệt cho Đề án
Chỉ số 6E	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %			Chưa có số liệu do các nhóm hỗ trợ kỹ thuật chỉ tham gia kết hợp trong công tác PCLB, PCTT chứ chưa có hoạt động chuyên biệt cho Đề án
Chỉ số 6F	Tỷ lệ thành viên nhóm công đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ thành viên nhóm công đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %				Chưa có số liệu do các nhóm công đồng chỉ tham gia kết hợp trong công tác PCLB, PCTT chứ chưa có hoạt động chuyên biệt cho Đề án
Chỉ số 7A=7A1/7A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm	Số lượng xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm (7A1)	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (7A2)	Số lượng	584	100	Danh sách đơn vị hành chính cấp xã của Thành phố có trên trang thông tin điện tử của Thành phố
				Số lượng	584		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
Chỉ số 8A	Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Tỷ lệ %		100	Phương thức tập huấn, tuyên truyền có thể là tổ chức các lớp tập huấn, diễn kịch, tờ rơi, pano áp phích, đăng tải trên báo, v.v...
Chỉ số 9A= 9A1/9A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã triển khai diễn tập hàng năm (9A1) Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (9A2)	Số lượng	584		Diễn tập về công tác PCLB, PCTT theo các nguồn kinh phí của Thành phố
		Số lượng	584		
Chỉ số 10A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCIL ban hành để tập huấn	Đã có/ Chưa có	Đã có		Các tài liệu được phát theo đường bưu điện và các tài liệu trên trang thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm phòng tránh và giám nhẹ thiên tai
Chỉ số 10B= 10B1/10B2*100%	Tỷ lệ huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCIL ban hành để tập huấn	Số lượng	30	100	Sử dụng các tài liệu liên quan để tập huấn về PCLB, PCTT
		Số lượng	30		
Chỉ số 10C= 10C1/10C2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCIL ban hành để tập huấn	Số lượng	584		Sử dụng các tài liệu liên quan để tập huấn về PCLB, PCTT
		Số lượng	584		
Chỉ số 11A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Đã có/ Chưa có	Chưa có		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
Chỉ số 11B= 11B1/11B2*100%	Tỷ lệ cấp huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng	Chưa có	0	
	Số lượng huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương (11B1)	Số lượng	30		
Chỉ số 11C= 11C1/11C2*100%	Tổng số huyện nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (11B2)	Số lượng			
	Số lượng xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương (11C1)	Số lượng	Chưa có	0	
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (11C2)	Số lượng	584		
	Số lượng xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng (12A1)	Số lượng	584		
Chỉ số 12A= 12A1/12A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng	Số lượng	584	100	
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (12A2)	Số lượng			
Chỉ số 13A= 13A1/13A2*100%	Số lượng xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXXH của địa phương (13A1)	Số lượng	584	100	
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (13A2)	Số lượng	584		
Chỉ số 14A= 14A1/14A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14A1)	Số lượng	0	0	
	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14A2)	Số lượng	584		

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
Chỉ số 14B= 14AB1/14B2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã cấp nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng xã của tỉnh đã cấp nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14B1)	Số lượng	0	0	
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (14B2)	Số lượng	584		
Chỉ số 15A	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê chi tiết			Là các trang thiết bị phục vụ công tác PCLB, PCTT như máy tính, máy in, máy ảnh, máy chiếu, phần mềm theo dõi, đánh giá; các công cụ đào tạo như bảng viết, tranh lật, v.v....
Chỉ số 15B	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê chi tiết			Là các trang thiết bị phục vụ công tác PCLB, PCTT như máy tính, máy in, máy ảnh, máy chiếu, phần mềm theo dõi, đánh giá; các công cụ đào tạo như bảng viết, tranh lật, v.v....
Chỉ số 15C	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê chi tiết			Là các trang thiết bị phục vụ công tác PCLB, PCTT như máy tính, máy in, máy ảnh, máy chiếu, phần mềm theo dõi, đánh giá; các công cụ đào tạo như bảng viết, tranh lật, v.v....
Chỉ số 16A1	Số lượng tỉnh có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Tỉnh có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Đã có/ Chưa có	Đã có		Ban chỉ huy PCTT Thành phố Hà Nội
Chỉ số 17A= 17A1/17A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai	Số lượng xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai (17A1)	Số lượng	584		
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (17A2)	Số lượng	584		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
Chỉ số 22D= 22DI/22D2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22D1) Tổng số giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh (22D2)	Số lượng	12.072	Chưa có thống kê do các giáo viên chỉ được đào tạo tập huấn về các hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
Chỉ số 22E= 22E1/22E2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22E1) Tổng số giáo viên các trung tâm GDTX trên địa bàn tỉnh (22E2)	Số lượng	646	Chưa có thống kê do các giáo viên chỉ được đào tạo tập huấn về các hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22F1) Tổng số giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (22F2)	Số lượng	917	Chưa có thống kê do các giáo viên chỉ được đào tạo tập huấn về các hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
Chỉ số 22G= 22G1/22G2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22G1) Tổng số giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh (22G2)	Số lượng		Chưa có thống kê do các giáo viên chỉ được đào tạo tập huấn về các hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng	0	

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo		Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
Chỉ số 18A	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ %			100	
Chỉ số 19A= 19A1/19A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng	Số lượng xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng (19A1)	Số lượng	0			
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (19A2)	Số lượng	584			
Chỉ số 20A	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ %			0	
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22A1)	Số lượng				Chưa có thống kê do các giáo viên chỉ được đào tạo tập huấn về các hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
		Tổng số giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh (22A2)	Số lượng	36.426			
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22B1)	Số lượng				Chưa có thống kê do các giáo viên chỉ được đào tạo tập huấn về các hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
		Tổng số giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh (22B2)	Số lượng	23.639			
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng				Chưa có thống kê do các giáo viên chỉ được đào tạo tập huấn về các hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
		Tổng số giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh	Số lượng	20.563			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số (%)	Thông tin bổ sung
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng	0	-	
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng	0	
		Số lượng các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa. (24A1)	Số lượng	960	Kiến thức về các hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
Chỉ số 24A= 24A1/24A2*100%	Tỷ lệ các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa.	Tổng số các trường mầm non trên địa bàn tỉnh. (24A2)	Số lượng	960	
		Số lượng các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24B1)	Số lượng	710	Kiến thức về các hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
Chỉ số 24B= 24B1/24B2*100%	Tỷ lệ các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Tổng số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh (24B2)	Số lượng	710	
		Số lượng các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24C1)	Số lượng	607	Kiến thức về các hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
Chỉ số 24C= 24C1/24C2*100%	Tỷ lệ các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Tổng số các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh (24C2)	Số lượng	607	
				100	

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
Chỉ số 24D= 24D1/24D2*100%	Tỷ lệ các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24D1)	Số lượng	208	100	Kiến thức về các hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
		Tổng số các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh (24D2)	Số lượng	208		
Chỉ số 24E= 24E1/24E2*100%	Tỷ lệ các trường tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24E1)	Số lượng	31	100	Kiến thức về các hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
		Tổng các trường tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (24E2)	Số lượng	31		
Chỉ số 24F= 24F1/24F2*100%	Tỷ lệ các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24F1)	Số lượng	46	100	Kiến thức về các hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
		Tổng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (24F2)	Số lượng	46		
Chỉ số 24G= 24G1/24G2*100%	Tỷ lệ các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24G1)	Số lượng			
		Tổng các trường đại học trên địa bàn tỉnh (24G2)	Số lượng			
Chỉ số 25A	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNNT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNNT	Số lượng			Chưa có số liệu do chỉ có hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
Chỉ số 25B	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng			Chưa có số liệu do chỉ có hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
Chỉ số 25C	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng			Chưa có số liệu do chỉ có hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
Chỉ số 25D	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng			Chưa có số liệu do chỉ có hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
Chỉ số 26A	Số lượng và tên các dự án về năng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCD đã thực hiện trên địa bàn tỉnh	Số lượng (Liệt kê danh sách các dự án)			Chưa có số liệu do chỉ có các dự án liên quan về PCLB, PCTT chứ không có dự án chuyên biệt của Đề án
Chỉ số 27C- 27CI/27C2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng			Chưa có số liệu do chỉ có các hoạt động liên quan như PCLB, PCTT chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo		Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
Chỉ số 27D= 27D1/27D2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) GD-ĐT)	Kinh phí từ nguồn vốn ngân sách đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (27D1)	Số lượng	Số lượng			Chưa có số liệu do chỉ có các hoạt động liên quan như như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
		Tổng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách được cấp hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (27D2)	Số lượng				
Chỉ số 27E	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %				Chưa có số liệu do chỉ có các hoạt động liên quan như PCLB, PCTT, chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
Chỉ số 27F	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ %				Chưa có số liệu do chỉ có các hoạt động liên quan như Phòng tránh tai nạn thương tích chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
Chỉ số 27G	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ %				Chưa có số liệu do chỉ có các hoạt động liên quan như PCLB, PCTT, chứ không có hoạt động chuyên biệt của Đề án
Chỉ số 28C= 28C1/28C2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Kinh phí từ nguồn vốn ODA đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (28C1)	Số lượng	Số lượng	0	0	
		Tổng kinh phí từ nguồn vốn ODA hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (28C2)	Số lượng				
Chỉ số 28D= 28D1/28D2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Kinh phí từ nguồn vốn ODA đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (28D1)	Số lượng	Số lượng	0	0	
		Tổng kinh phí từ nguồn vốn ODA hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (28D2)	Số lượng				

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
Chỉ số 28E	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) thực hiện Đề án hàng năm của huyện (<i>ngành Nông nghiệp và PTNT</i>)	Tỷ lệ %	0	0	
Chỉ số 28F	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) thực hiện Đề án hàng năm của huyện (<i>ngành GD-ĐT</i>)	Tỷ lệ %	0	0	
Chỉ số 28G	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của xã	Tỷ lệ %	0	0	
Chỉ số 29C= 29C1/29C2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (<i>ngành Nông nghiệp và PTNT</i>)	Kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp đã được giải ngân của tỉnh (<i>ngành Nông nghiệp và PTNT</i>) (29C1) Tổng kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (<i>ngành Nông nghiệp và PTNT</i>) (29C2)	Số lượng 0	0	
Chỉ số 29D= 29D1/29D2*100%	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp của tỉnh (<i>ngành GD-ĐT</i>)	Kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (<i>ngành GD-ĐT</i>) (29D1) Tổng kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp được cấp hàng năm của tỉnh (<i>ngành GD-ĐT</i>) (29D2)	Số lượng 0	0	

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo	Đơn vị (mô)	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
Chỉ số 29E	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %	0	0	
Chỉ số 29F	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ %	0	0	
Chỉ số 29G	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của xã (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %	0	0	